

Bản án số 721/2023/HS-PT

Ngày 19-9-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tất Nam;

Các Thẩm phán: ông Nguyễn Văn Cường;

ông Võ Hồng Sơn.

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Hoàng Long - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Trọng Vĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 830/2023/TLHS-PT ngày 07 tháng 8 năm 2023 đối với bị cáo Lữ Văn T, do có kháng cáo của bị cáo với Bản án số 55/2021/HS-ST ngày 14-4-2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Bị cáo kháng cáo:

Lữ Văn T sinh ngày 28-11-1987 tại huyện Q, tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: khối H, thị trấn K, huyện Q, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 3/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lữ Văn T và bà Vi Thị Y ; có vợ Vi Thị D (đã ly hôn); tiền sự: không ; bị tạm giữ, tạm giam ngày 21-10-2020 ; có mặt.

Tiền án: - ngày 07/02/2007, bị Tòa án nhân dân huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 24 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Ngày 24/10/2007, bị Tòa án nhân dân huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; 09 tháng tù về tội “Trốn khỏi nơi giam”, tổng hợp hình phạt của 02 tội là 18 tháng tù. Tổng hợp hình phạt 12 tháng tù của Bản án số 04/2007/HSST ngày 07/02/2007 của Tòa án nhân dân huyện Quế Phong, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là 30 tháng tù.

- Ngày 12/01/2012, bị Tòa án nhân dân huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An xử phạt 10 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 23/5/2019.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Luật sư Nguyễn Trung T - Văn phòng luật sư C, Đoàn Luật sư tỉnh Nghệ An; có mặt.

Trong vụ án còn có các bị cáo Vi Văn C và Vi Văn Q; đều bị kết án về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, không kháng cáo, không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Vào khoảng 19 giờ 30 phút ngày 15/10/2020, tại khu vực ngã ba Trường Bành, xã Tiên Phong, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An. Tổ công tác Công an huyện Quế Phong dừng xe ô tô khách BKS: 99B.013.14 kiểm tra, phát hiện thu giữ tại vị trí ngồi của Vi Văn Q (hàng ghế thứ 05 bên phải) 01 chiếc ba lô màu xám bên trong có 01 gói nilong màu vàng chứa chất tinh thể màu trắng (nghĩ là ma túy), 01 gói nilong màu trắng chứa 50 gói nilong đựng nhiều viên nén màu hồng (nghĩ là ma túy). Vi Văn Q khai nhận số ma túy trên do Vi Văn C (sinh năm 1991) giao cho Q vận chuyển ra thành phố Hà Nội cho Lữ Văn T (sinh năm 1987, đều trú tại khối H, thị trấn K, huyện Q, tỉnh Nghệ An).

Hồi 20 giờ 00 ngày 15/10/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Quế Phong thi hành Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp và Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Vi Văn C thu giữ 02 điện thoại di động và 5.000.000 đồng. Đến 17 giờ 00 ngày 21/10/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Quế Phong thi hành Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp và Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Lữ Văn T thu giữ 02 điện thoại di động và 03 thẻ sim điện thoại.

Quá trình điều tra xác định vào ngày 11/10/2020, Lữ Văn T đi ra thành phố Hà Nội chơi thì gặp 02 người đàn ông không quen biết tại khu vực Hồ Gươm, thành phố Hà Nội. Qua nói chuyện, 02 người này hỏi mua 01 kg ma túy đá và 50 gói ma túy hồng phiến với giá 400.000.000 đồng, T đồng ý và hẹn khi nào có ma túy thì giao dịch tại khu vực Hồ Gươm, thành phố Hà Nội, đồng thời lấy số điện thoại của 02 người này để liên lạc. Ngày 14/10/2020, T gọi điện cho người đàn ông tên U (dân tộc Mông ở xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An) hỏi mua 50 gói ma túy hồng phiến và 01 kg ma túy đá, U đồng ý bán với giá 100.000.000 đồng, T nói với U sẽ cho người đến gặp U để mua ma túy. Sáng ngày 15/10/2020, T dùng số thuê bao 0988572987 gọi điện thoại cho Vi Văn C số thuê bao 0974896735 nói C cầm số tiền 100.000.000 đồng (T gửi cho C trước đó) rồi rủ Vi Văn Q đi lên xã Tri Lễ, huyện Quế Phong mua ma túy, sau khi mua được ma túy thì đưa cho Q mang ra Hà Nội cho T tiêu thụ. T gửi số điện thoại của U cho C để liên lạc mua ma túy thì C đồng ý. T tiếp tục gọi điện thoại cho Vi Văn Q số thuê bao 0984790551 nói Q chiều đi cùng C lên xã Tri Lễ, huyện Quế Phong mua ma túy rồi đưa ra Hà Nội cho T tiêu thụ thì Q đồng ý. Sau đó C gọi điện cho Q hẹn chiều đi lên xã Tri Lễ, huyện Quế Phong mua ma túy. Khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày C và Q đi lên xã Tri Lễ huyện Quế Phong, khi đến nơi C lấy máy điện thoại của Q gọi điện theo số máy mà T gửi thì có một người đàn ông nghe máy và hẹn gặp nhau tại một điểm gần đường quốc lộ. Khoảng 15 phút sau có một người đàn ông dân tộc Mông đeo khẩu trang đến gặp C và Q. Tại đây C

đưa cho người này 100.000.000 đồng, người này gọi điện cho một người đàn ông khác đưa đến 01 bì màu trắng bên trong có 01 gói ma túy đá và 50 gói ma túy hồng phiên đưa cho C và Q. Sau khi mua được ma túy C và Q đưa ma túy về nhà C tại khối H, thị trấn K, huyện Q cất giấu. Đến khoảng 18 giờ 00 cùng ngày C gọi điện nói Q đến nhà C lấy ma túy đưa ra Hà Nội cho T. Sau đó Q cầm theo 01 chiếc túi vải màu xám đến nhà C, C lấy ma túy bỏ vào chiếc túi vải rồi chờ Q đến ngã ba Phú Phương thuộc xã Tiên Phong, huyện Quế Phong để Q đón xe khách đưa ma túy ra Hà Nội cho T. Q mang túi vải đựng ma túy lên xe khách BKS: 99B.013.14 khi đi đến ngã ba Truong Bành, thuộc xã Tiên Phong, huyện Quế Phong thì bị Công an huyện Quế Phong kiểm tra, phát hiện bắt quả tang thu giữ của Vi Văn Q 01 túi vải màu xám bên trong có 01 gói nilong màu vàng chứa chất tinh thể màu trắng (nghĩ là ma túy), 01 gói nilong màu trắng chứa 50 gói nilong đựng nhiều viên nén màu hồng (nghĩ là ma túy), 01 điện thoại di động của Vi Văn Q.

Tại kết luận giám định số 1432/KL-PC09(Đ2-MT) ngày 30/10/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nghệ An kết luận: “Các mẫu viên nén màu hồng (ký hiệu từ M1 đến M50) thu giữ của Vi Văn Q gửi tới giám định đều là ma túy (Methamphetamine). Số viên nén màu hồng (50 gói) thu giữ của Vi Văn Q có tổng khối lượng là 974,4 gam.

- Mẫu chất tinh thể màu trắng (ký hiệu D1) thu giữ của Vi Văn Q gửi tới giám định là ma túy (Methamphetamine). Số chất tinh thể màu trắng thu giữ của Vi Văn Q có khối lượng là 1.000 gam (Một nghìn gam)”.

Vật chứng vụ án: Cơ quan điều tra thu giữ 974,4 gam ma túy (Methamphetamine) dạng viên nén (đã lấy 50 gam gửi giám định còn lại 924,4 gam); 1.000 gam ma túy (Methamphetamine) dạng tinh thể (đã lấy 10 gam gửi giám định còn lại 990 gam) được niêm phong theo quy định; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đen của Vi Văn Q; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS màu trắng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A20 màu đen của Vi Văn C; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đỏ đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu xanh đen của Lữ Văn T; 02 thẻ sim điện thoại Viettel của Vi Văn C; 03 thẻ sim điện thoại Vinaphone của Lữ Văn T; 01 chiếc túi vải màu xám thu giữ của Vi Văn Q. Vật chứng được bảo quản tại kho vật chứng Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An. Số tiền 5.000.000 đồng thu giữ của Vi Văn C được gửi bảo quản tại Kho bạc nhà nước Nghệ An.

Tại Bản án số 55/2021/HS-ST ngày 14-4-2021, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251; các điểm h, o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; xử phạt Lữ Văn T tử hình về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm thi hành án.

Vi Văn C bị kết án tù chung thân, Vi Văn Q bị kết án 10 năm tù; đều về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định việc xử lý vật chứng và án phí theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 27-4-2021, bị cáo Lữ Văn T kháng cáo đề nghị xem xét lại số lượng ma túy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự; việc áp dụng tình tiết tăng nặng “Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội” và giảm hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Lữ Văn T cho rằng trong số ma túy bị thu giữ chỉ có 01 kg ma túy đá là của bị cáo; số còn lại 50 gói ma túy hồng phiến không phải của bị cáo, vì số tiền 100.000.000 đồng bị cáo gửi Vi Văn C chỉ mua được 1 kg ma túy đá; các lời khai nhận tội của bị cáo tại Cơ quan điều tra về việc mua bán toàn bộ số ma túy nêu trên là do bị ép buộc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao cho rằng việc Tòa án cấp sơ thẩm kết án bị cáo Lữ Văn T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” vì đã có hành vi mua bán trái phép 1.974,4 gam ma túy Methamphetamine là có căn cứ, đúng pháp luật; đề nghị giữ nguyên quyết định về tội danh, hình phạt của Tòa án cấp sơ thẩm đối với bị cáo.

Ý kiến Luật sư bào chữa cho bị cáo: quá trình điều tra, bị cáo có các lời khai thừa nhận việc mua bán trái phép 01 kg ma túy đá và 50 gói ma túy hồng phiến; sau đó bị cáo thay đổi lời khai chỉ nhận mua bán trái phép 01 kg ma túy đá; về cơ bản bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội; bị cáo là người dân tộc thiểu số nhận thức pháp luật hạn chế; đề nghị xem xét đầy đủ lí do kháng cáo của bị cáo, giảm hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị cáo Lữ Văn T cho rằng quá trình điều tra tại Công an huyện Quế Phong bị đánh đập, ép cung nên đã khai nhận hành vi mua bán trái phép tổng số 1.974,4 gam ma túy Methamphetamine (01 kg ma túy đá và 50 gói ma túy hồng phiến). Xét thấy, vào lúc 17 giờ 00 phút ngày 21/10/2020, Lữ Văn T bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp và lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp. Đến 17 giờ 30 phút và 20 giờ 00 phút cùng ngày Công an huyện Quế Phong đã lấy lời khai Lữ Văn T và T khai nhận hành vi phạm tội của mình. Ngày 22/10/2020, Lữ Văn T được đưa vào nhà tạm giữ Công an huyện Quế Phong và được khám sức khỏe. Tại biên bản kiểm tra thân thể người bị tạm giữ vào hồi 00 giờ 05 phút ngày 22/10/2020 thể hiện Lữ Văn T không có dấu vết thương tích; biên bản giao, nhận người tạm giữ vào hồi 00 giờ 20 phút ngày 22/10/2020 thể hiện Lữ Văn T sức khỏe bình thường; phiếu khám sức khỏe người bị tạm giữ, người bị tạm giam ngày 22/10/2020 thể hiện Lữ Văn T không có dấu vết thương tích, hiện tại thể trạng, sức khỏe tinh thần bình thường; biên bản giao, nhận người bị tạm giam vào hồi 10 giờ 10 phút ngày 31/10/2020 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Nghệ An thể hiện Lữ Văn T sức khỏe bình thường; phiếu khám sức khỏe người bị tạm giữ, người bị tạm giam

ngày 31/10/2020 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Nghệ An thể hiện Lữ Văn T sức khỏe loại 2; các biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung bị can tại Công an huyện Quế Phong, trong đó có biên bản hỏi cung bị can ngày 26/10/2020 và ngày 27/10/2020 có Kiểm sát viên tham gia, Lữ Văn T đều khai không bị đánh đập, không bị ép cung, nhục hình; quá trình lấy lời khai, hỏi cung các bị can tại Công an huyện Quế Phong được ghi âm, ghi hình. Không có căn cứ cho rằng bị cáo bị ép buộc phải nhận tội.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo Vi Văn C và Vi Văn Q khai nhận sáng ngày 15/10/2020, Lữ Văn T gọi điện thoại nói với C và Q đến xã Tri Lễ, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An liên lạc với người đàn ông tên Tu do T cho số điện thoại để mua ma túy đưa ra Hà Nội cho T tiêu thụ. Chiều cùng ngày, C cùng Q đến xã Tri Lễ, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An mua một gói ma túy của một người đàn ông tên Tu không rõ lai lịch, địa chỉ với giá 100.000.000 đồng; sau khi mua được ma túy, C và Q đưa ma túy về nhà C cất giấu, sau đó C giao gói ma túy cho Q đi xe khách mang ra Hà Nội cho Lữ Văn T tiêu thụ. Đến khoảng 19 giờ 30 phút ngày 15/10/2020, khi Vi Văn Q đi đến ngã ba Truong Bành, xã Tiên Phong, huyện Quế Phong thì bị Công an huyện Quế Phong phát hiện bắt quả tang. Lời khai của bị cáo Vi Văn C và Vi Văn Q phù hợp với nhau, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Đối với Lữ Văn T: tại các lời khai ban đầu, bị cáo khai nhận phù hợp với lời khai của Vi Văn C và Vi Văn Q về số lượng ma túy mua bán. Lữ Văn T khai đã gọi điện thoại cho C và Q mang 150.000.000 đồng, do T gửi C trước đó (C khai T chỉ gửi 100.000,000 đồng) đi lên xã Tri Lễ, huyện Quế Phong mua cho T 50 gói ma túy hồng phiến và 01 kg ma túy đá của người đàn ông tên U; sau khi mua được ma túy thì đưa cho Q mang ra Hà Nội cho T tiêu thụ; sau đó T thay đổi lời khai cho rằng không gọi điện thoại nhờ C, Quyết mua ma túy; toàn bộ số ma túy bị thu giữ khi Q bị bắt quả tang không phải là của bị cáo.

Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, Lữ Văn T lại khai trước đó đã gửi 100.000.000 đồng cho C để mua ma túy cho T khi có người đặt hàng; sau khi có 2 người đàn ông ở Hà Nội đặt hàng mua 01 kg ma túy đá thì T đã gọi điện thoại cho C, Q và nói với C, Q đi lên xã Tri Lễ gặp người đàn ông tên U mua cho T 01 kg ma túy đá với giá 100.000.000 đồng và nói Q đem ra Hà Nội cho T. Bị cáo Lữ Văn T thừa nhận số ma túy khi cơ quan công an bắt quả tang thu giữ của Quyết trong có 01 kg ma túy đá của T, còn hồng phiến của ai thì bị cáo không biết, T chỉ nhờ C, Q mua 01 kg ma túy đá để bán lại cho người khác. Lời khai chối tội của bị cáo là không thống nhất; có lúc khai toàn bộ số ma túy bị thu giữ không phải của bị cáo; sau đó lại khai nhận số ma túy bị thu giữ có 01 kg ma túy đá của bị cáo; còn 50 gói hồng phiến không phải của bị cáo.

Xét thấy lời khai của bị cáo Lữ Văn T tại cơ quan điều tra và tại các phiên tòa đều khẳng định ngày 15/10/2020, T dùng số điện thoại 0988572987 gọi điện thoại cho C theo số điện thoại 0974896735 và Q theo số điện thoại 0984790551 nói với C, Q lên xã Tri Lễ, huyện Quế Phong gặp người đàn ông tên Tu theo số điện thoại T đã gửi cho C để mua ma túy cho T và sau khi mua được ma túy thì

giao cho Q đưa ra Hà Nội để T tiêu thụ. Như vậy, lời khai của T phù hợp với lời khai của C, Q; phù hợp với lời khai của T tại Công an huyện Quế Phong; phù hợp với biên bản kiểm tra điện thoại của C, Q; phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang; vật chứng thu giữ là ma túy nên có căn cứ kết luận vào ngày 15/10/2020, T đã chỉ đạo cho C, Q đi mua ma túy cho T với giá 100.000.000 đồng để đưa ra Hà Nội cho T tiêu thụ, khi Q đang trên đường mang ma túy ra Hà Nội cho T thì bị bắt quả tang.

Tại các phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, Lữ Văn T khai chỉ nói C, Q mua 01 kg ma túy đá với giá 100.000.000 đồng, không nói mua hồng phiến nên T chỉ chịu trách nhiệm 01 kg ma túy đá. Xét thấy quá trình điều tra, T khai nhận gọi điện cho người đàn ông tên U để mua 50 gói hồng phiến mỗi gói giá 800.000 đồng và 01 kg ma túy đá với giá 60.000.000 đồng và T đã gọi điện cho C mang 100.000.000 đồng cùng với Q lên xã Tri Lễ gặp người đàn ông tên U mua ma túy cho T, khi mua được ma túy đưa Q mang ra Hà Nội cho T. Bị cáo C khai khi T gọi điện nói đưa 100.000.000 đồng đi cùng Q lên gặp người đàn ông tên Tu mua ma túy, không nói mua ma túy loại gì, khối lượng bao nhiêu; khi gặp người đàn ông tên U thì C đưa cho người này 100.000.000 đồng, còn ma túy thì có một người đàn ông khác đưa cho Q và C cùng Q đưa gói ma túy về nhà C cất giấu; C là người bỏ ma túy vào ba lô cho Q để Q mang ra Hà Nội cho T và đây số ma túy do C và Q mua về cất giấu và cũng là số ma túy bị công an thu giữ; lời khai của Q phù hợp với lời khai của C, phù hợp với tang vật thu giữ là 974,4 gam ma túy dạng viên nén và 1.000 gam ma túy dạng tinh thể. Như vậy, lời khai của T, C và Q phù hợp với nhau về nội dung T chỉ đạo C và Q đi mua ma túy cho T; khối lượng ma túy C và Q mua được là 974,4 gam ma túy dạng viên nén (Methamphetamine) và 1.000 gam ma túy dạng tinh thể (Methamphetamine); do đó, bị cáo Lữ Văn T phải chịu trách nhiệm hình sự đối với toàn bộ khối lượng ma túy mà Vi Văn C và Vi Văn Q đã mua theo yêu cầu của bị cáo. Tòa án cấp sơ thẩm kết án Lữ Văn T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật hình sự là có căn cứ, không oan.

Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, trong đó bị cáo T có vai trò là người chỉ đạo, cầm đầu, các bị cáo C và Q có vai trò là người thực hiện. Ngoài ra, bị cáo Lữ Văn T đã có 03 tiền án nhưng lại phạm tội đặc biệt nghiêm trọng nên phải chịu tình tiết tăng nặng “Tái phạm nguy hiểm”; bị cáo còn rủ rê, lôi kéo Vi Văn Q thực hiện hành vi phạm tội khi Q chưa đủ 18 tuổi nên phải chịu thêm tình tiết tăng nặng “Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội”.

Xem xét đầy đủ, toàn diện các tình tiết của vụ án, mức độ phạm tội, nhân thân bị cáo và tính chất đặc biệt nghiêm trọng của vụ án, xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng mức hình phạt cao nhất của khung hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật. Không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lữ Văn T.

[2]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đã có hiệu lực pháp luật.

[3]. Về án phí: bị cáo phải nộp án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lữ Văn T và giữ nguyên Bản án số 55/2021/HS-ST ngày 14-4-2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An như sau: áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251; các điểm h, o khoản 1 Điều 52; Điều 40 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Lữ Văn T tử hình về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm thi hành án.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm nêu trên đã có hiệu lực pháp luật.

3. Bị cáo Lữ Văn T phải nộp 200.000 đồng án phí phúc thẩm.

Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Lữ Văn T được gửi đơn xin ân giảm lên Chủ tịch nước.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Công an tỉnh Nghệ An;
- Trại tạm giam CA tỉnh Nghệ An
(02 bản để giao cho bị cáo 01 bản);
- Cục T.H.A DS tỉnh Nghệ An;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Phòng HC-TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tất Nam